

- Lĩnh vực dịch vụ kế toán và kiểm toán, Việt Nam đã ban hành Luật kế toán (2003); Luật kiểm toán nhà nước (2005); Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 quy định chi tiết Luật kế toán (2003) cho khu vực kế toán Nhà nước; Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 quy định chi tiết Luật kế toán (2003); Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC của Bộ tài chính ngày 22/09/2004 quy định về tiêu chuẩn và điều kiện đối với kiểm toán viên và công ti kiểm toán được phép tiến hành hoạt động kiểm toán ở các công ti môi giới chứng khoán và các công ti quản lý quỹ đầu tư;

- Lĩnh vực dịch vụ quảng cáo có Pháp lệnh quảng cáo (2001); Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13/03/2003 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quảng cáo (2001), Luật thương mại (2005), Luật đầu tư (2005);

- Lĩnh vực dịch vụ thông tin liên lạc có Pháp lệnh về bưu chính và viễn thông ngày 25/05/2002; Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/08/2004; Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03/09/2004; Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/08/2001 về dịch vụ Internet; Quyết định số 27/2002/QĐ-BVHTT của Bộ văn hoá - thông tin ngày 10/10/2002 về kiểm soát nội dung thông tin trên Internet; -

- Lĩnh vực dịch vụ xây dựng có Luật xây dựng (2003); Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/05/2004 ban hành Quy chế quản lý hoạt động của các nhà thầu nước ngoài trong ngành xây dựng tại Việt Nam; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý các dự án đầu tư xây

dựng các công trình; Luật đấu thầu (2005);

- Lĩnh vực dịch vụ phân phối (Franchising, phân phối đa cấp...) có Luật thương mại (2005); Luật đầu tư (2005); Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006 thi hành Luật thương mại (2005); Luật cạnh tranh (2004); Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 về kiểm soát hoạt động bán hàng đa cấp;

- Lĩnh vực dịch vụ giáo dục có Luật giáo dục (2005); Nghị định số 06/2000/NĐ-CP ngày 06/3/2000 về hợp tác và đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực khám chữa bệnh, giáo dục và đào tạo và nghiên cứu khoa học; Nghị định số 18/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 ban hành quy chế về thành lập và hoạt động các cơ sở văn hoá và giáo dục của nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 165/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục liên quan đến các dự án ODA;

- Lĩnh vực dịch vụ tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, dịch vụ tài chính phi ngân hàng, chứng khoán) có Luật kinh doanh bảo hiểm (2000); Nghị định số 42/2001/NĐ-CP ngày 01/8/2001 hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 43/2001/NĐ-CP ngày 01/8/2001 về chế độ tài chính áp dụng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật các tổ chức tín dụng (1997), sửa đổi bổ sung năm 2004, Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28/02/2006 về tổ chức và hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước

ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam (thay thế Nghị định số 13/1999/NĐ-CP ngày 17/3/1999); Quyết định số 210/2005/QĐ-NHNN ngày 28/02/2005 về tiền gửi bằng VND áp dụng cho các chi nhánh ngân hàng của các nước EU; Quyết định số 327/2004/QĐ-NHNN ngày 01/4/2004 về tiền gửi bằng VND áp dụng cho các chi nhánh ngân hàng của các nước EU; Pháp lệnh về ngoại hối ngày 13/12/2005; Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01/11/2005 về kiểm soát các khoản vay ngoại hối từ nước ngoài; Quyết định số 02/2005/QĐ-NHNN ngày 04/01/2005 ban hành Quy chế phát hành giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng; Luật về các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; Luật chứng khoán (2006); Luật các công cụ chuyển nhượng (2005)...

- Lĩnh vực dịch vụ vận tải và giao nhận (vận tải đường biển, dịch vụ chuyển phát nhanh) có Bộ luật hàng hải (2005); Quyết định số 190/2004/QĐ-TTg ngày 08/11/2004; Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 quy định chi tiết việc thực hiện một số điều của Pháp lệnh bưu chính viễn thông liên quan đến bưu chính;

- Lĩnh vực dịch vụ bất động sản có Luật về kinh doanh bất động sản (2006); Bộ luật dân sự (2005);

- Lĩnh vực dịch vụ kiến trúc có Luật xây dựng (2003); Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005;

- Lĩnh vực các dịch vụ khác như dịch vụ

năng lượng điện có Luật điện lực (2004) v.v..

Nhìn chung, pháp luật về thương mại dịch vụ của Việt Nam đã khá hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Khung pháp luật về thương mại dịch vụ nêu trên đã tạo ra “sân chơi” bình đẳng cho các chủ thể kinh doanh trong lĩnh vực thương mại dịch vụ.

Khi gia nhập WTO về chính sách thương mại dịch vụ, Việt Nam đàm phán trên cơ sở danh mục thương mại dịch vụ không hoàn toàn giống bảng phân loại của WTO mà đàm phán trên cơ sở bảng phân loại dịch vụ đã được cập nhật (số lượng các tiểu ngành dịch vụ đã vượt qua con số 155). Là thành viên của ASEAN, APEC và WTO, Việt Nam đã từng tham gia vào đàm phán tự do hoá thương mại dịch vụ và cũng đã đưa ra các cam kết nhất định trong nhiều ngành dịch vụ.

## **2. Tóm tắt các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam về thương mại dịch vụ**

### *a. Nhận xét chung*

Đàm phán gia nhập WTO về mở cửa thị trường dịch vụ dựa trên các nguyên tắc cơ bản của GATS. Lộ trình cam kết về thương mại dịch vụ được gọi là biểu cam kết về thương mại dịch vụ gồm 3 phần:

- Cam kết chung (cam kết nền): Bao gồm các nội dung cam kết được áp dụng cho tất cả các dịch vụ, như chế độ đầu tư, hình thức thành lập doanh nghiệp, thuê đất, các biện pháp về thuế, trợ cấp cho doanh nghiệp trong nước v.v..

- Cam kết cụ thể: Bao gồm các cam kết được áp dụng cho từng dịch vụ đưa vào

biểu cam kết về thương mại dịch vụ. Nội dung cam kết thể hiện mức độ mở cửa thị trường đối với từng dịch vụ cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

- Danh mục các dịch vụ miễn trừ MFN: Theo quy định của GATS (Điều II), một thành viên được miễn trừ nghĩa vụ đối xử MFN đối với một số loại dịch vụ nếu thành viên đó đưa loại dịch vụ đó vào danh mục miễn trừ. Đây thực chất là việc GATS cho phép các thành viên áp dụng “ngoại lệ” của nguyên tắc MFN. Việc miễn trừ này được áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi gia nhập WTO.

Việt Nam cam kết mở cửa toàn bộ 11 ngành dịch vụ theo GATS với 110 tiểu ngành. Việt Nam không cam kết mở cửa một số tiểu ngành dịch vụ vì những lí do nhạy cảm về chính trị và an ninh, bảo hộ cho ngành kinh tế nội địa hoặc các đối tác không có nhu cầu đàm phán do giá trị thương mại không đáng kể, như: Dịch vụ in ấn, dịch vụ xuất bản, dịch vụ báo chí, dịch vụ phát thanh và truyền hình, dịch vụ hướng dẫn du lịch, dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu thủy, dịch vụ kéo và đẩy tàu, dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường sắt, dịch vụ vận tải vũ trụ, dịch vụ phụ sản v.v..

Ngoài ra, Việt Nam còn đưa ra danh mục những loại dịch vụ được miễn trừ áp dụng nguyên tắc tối huệ quốc (MFN), nghĩa là chỉ mở cửa thị trường cho các đối tác đã kí hiệp định song phương mà không mở cửa cho tất cả các thành viên WTO. Việt Nam không áp dụng MFN đối với tất cả các ngành dịch vụ được cung ứng bằng phương

thức hiện diện thương mại và một số tiểu ngành của dịch vụ nghe nhìn, một số tiểu ngành của dịch vụ vận tải biển.

Các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam về thương mại dịch vụ, về cơ bản là phù hợp với pháp luật hiện hành và năng lực của các ngành kinh tế dịch vụ của Việt Nam. Tác động của mở cửa thị trường dịch vụ sẽ không quá ghê gớm như dự báo hoặc lo ngại. Mở cửa thị trường dịch vụ có thể sẽ gây khó khăn về cạnh tranh cho một số ngành kinh tế như kinh doanh chứng khoán, ngân hàng, phân phối, vận tải v.v. song dịch vụ có thể là yếu tố đầu vào của nhiều ngành sản xuất, kinh doanh, tạo thuận lợi cho rất nhiều ngành kinh tế khác.

*b. Cam kết chung (cam kết nền) về mở cửa thị trường dịch vụ*

Cam kết chung bao gồm các cam kết được áp dụng cho tất cả các dịch vụ đưa vào biểu cam kết về thương mại dịch vụ.

*Thứ nhất:* Không hạn chế nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài cung cấp dịch vụ theo phương thức hiện diện thương mại (phương thức 3), dưới các hình thức: Hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, trừ một số ngoại lệ được quy định tại từng ngành và tiểu ngành cụ thể của biểu cam kết.

*Thứ hai:* Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam nhưng các văn phòng này không được phép tham gia vào các hoạt động sinh lợi trực tiếp.

*Thứ ba:* Các doanh nghiệp nước ngoài không được hiện diện tại Việt Nam dưới

hình thức chi nhánh, trừ trường hợp điều đó được cho phép theo cam kết trong từng ngành dịch vụ cụ thể.

*Thứ tư:* Các doanh nghiệp nước ngoài được phép góp vốn dưới hình thức mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam. Tổng mức vốn cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tối đa 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép. Sau 1 năm gia nhập WTO, hạn chế nêu trên (mức góp vốn tối đa 30%) sẽ được bãi bỏ, trừ lĩnh vực ngân hàng và những ngành dịch vụ mà Việt Nam không cam kết mở cửa.

*Thứ năm:* Việt Nam chưa cam kết cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được cung cấp dịch vụ theo phương thức hiện diện của thể nhân (phương thức 4), trừ các biện pháp liên quan đến nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân thuộc các nhóm sau: 1) Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (các nhà quản lí, giám đốc điều hành và chuyên gia); 2) Nhân sự khác (các nhà quản lí, giám đốc điều hành và chuyên gia mà người Việt Nam không thể thay thế); 3) Người chào bán dịch vụ; 4) Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại; 5) Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. Những người này được nhập cảnh để cung cấp dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính, dịch vụ tư vấn kĩ thuật.

*Thứ sáu:* Tối thiểu 20% tổng số các nhà quản lí, giám đốc điều hành và chuyên gia của doanh nghiệp phải là công dân Việt

Nam. Tuy nhiên, mỗi doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép có tối thiểu 3 nhà quản lí, giám đốc điều hành và chuyên gia không phải là người Việt Nam.

*Thứ bảy:* Về cơ bản, hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được hưởng đối xử quốc gia, trừ một số ngoại lệ như dành trợ cấp một lần để thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cổ phần hoá của doanh nghiệp Việt Nam; trợ cấp dành cho nghiên cứu và phát triển; trợ cấp trong các ngành y tế, giáo dục và nghe nhìn; trợ cấp nhằm nâng cao phúc lợi và tạo công ăn việc làm cho đồng bào thiểu số.

*c. Cam kết cụ thể về mở cửa thị trường dịch vụ*

- Dịch vụ kinh doanh

Ngành dịch vụ kinh doanh được phân thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ chuyên môn như dịch vụ pháp luật, dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị, dịch vụ thuế, kế toán, kiểm toán..., dịch vụ máy tính và các dịch vụ có liên quan; dịch vụ nghiên cứu và phát triển (R & D); dịch vụ bất động sản; dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển; các dịch vụ kinh doanh khác như dịch vụ quảng cáo, nghiên cứu thị trường; dịch vụ tư vấn quản lí; in ấn, xuất bản; dịch vụ sắp xếp và cung cấp nhân sự; dịch vụ điều tra và an ninh...

Việt Nam chỉ cam kết mở cửa thị trường đối với 26 trong tổng số 46 tiểu ngành thuộc ngành dịch vụ kinh doanh. Các cam kết chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất:* Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ

cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các dự án nước ngoài ở Việt Nam sau 1 năm kể từ khi gia nhập WTO đối với dịch vụ thuế, 2 năm đối với dịch vụ kiến trúc, dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan.

*Thứ hai:* Được phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ kinh doanh theo lộ trình từ 2 - 5 năm kể từ khi gia nhập WTO. Trong thời gian quá độ thực hiện các cam kết, ta phải bổ sung, ban hành các quy định về quản lý một số tiểu ngành dịch vụ như dịch vụ tư vấn quản lý và tư vấn liên quan đến khoa học - kỹ thuật, dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ.

**- Dịch vụ thông tin liên lạc**

Ngành dịch vụ thông tin liên lạc được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ báo chí; dịch vụ chuyên phát; dịch vụ viễn thông; dịch vụ nghe nhìn. Việt Nam cam kết mở cửa chủ yếu về dịch vụ viễn thông và một số tiểu ngành của dịch vụ nghe nhìn. Các cam kết chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất:* Về dịch vụ viễn thông cơ bản có hạ tầng mạng, doanh nghiệp nước ngoài chỉ được phép đầu tư dưới hình thức liên doanh với đối tác Việt Nam đã được cấp phép, với mức góp vốn tối đa 49%.

*Thứ hai:* Về dịch vụ viễn thông cơ bản không có hạ tầng mạng, trong 3 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài chỉ được phép đầu tư dưới hình thức liên doanh với đối tác Việt Nam đã được

cấp phép, với mức góp vốn tối đa 51%. Sau 3 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép tự do lựa chọn đối tác liên doanh, với mức góp vốn tối đa 65%.

*Thứ ba:* Về dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được cung cấp trên hạ tầng mạng do Việt Nam kiểm soát, ngay sau khi gia nhập WTO doanh nghiệp nước ngoài được phép tự do lựa chọn đối tác liên doanh, với mức góp vốn tối đa 70%.

*Thứ tư:* Đối với các dịch vụ sản xuất và phát hành băng hình và phim, dịch vụ chiếu phim, doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam được cấp phép, với mức góp vốn tối đa 51%, và chịu sự kiểm duyệt của Nhà nước.

**- Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật liên quan.** Cam kết chủ yếu là sau 3 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập chi nhánh.

**- Dịch vụ phân phối**

Ngành dịch vụ phân phối được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ đại lý hoa hồng; dịch vụ bán buôn; dịch vụ bán lẻ; dịch vụ nhượng quyền thương mại (Franchising). Các cam kết chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất:* Các mặt hàng sau đây được loại trừ khỏi phạm vi cam kết về dịch vụ phân phối: Thuốc lá và xì gà; sách, báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới

dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột); thuốc nỏ; dầu thô và dầu đã qua chế biến; đường mía và đường củ cải.

*Thứ hai:* Đối với các hàng hoá nhạy cảm như sắt thép, phân bón, xi măng... ta sẽ mở cửa thị trường phân phối sau 3 năm, kể từ khi gia nhập WTO. Ta hạn chế chặt chẽ khả năng mở điểm bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để giữ thị trường cho các nhà phân phối Việt Nam.

*Thứ ba:* Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư dưới hình thức liên doanh với mức góp vốn tối đa 49%, đến năm 2009 sẽ được đầu tư dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Mức cam kết của Việt Nam trong WTO thấp hơn hiện trạng. Trên thực tế, một số tập đoàn phân phối lớn đã được phép thành lập siêu thị 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam.

**- Dịch vụ giáo dục**

Ngành dịch vụ giáo dục được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ giáo dục tiểu học; dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (trung học); dịch vụ giáo dục bậc cao (đại học, cao đẳng); dịch vụ giáo dục cho người lớn. Trong đó, Việt Nam không cam kết mở cửa dịch vụ giáo dục tiểu học.

Trong thực tiễn gia nhập WTO, chỉ có một số thành viên cam kết mở cửa lĩnh vực này (chủ yếu là các nước phát triển). Tuy nhiên, phạm vi cam kết của ta vẫn thấp hơn khả năng phát triển dịch vụ giáo dục của Việt Nam và hoàn toàn phù hợp với chủ trương xã hội hoá giáo dục của Chính phủ hiện nay. Các cam kết chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất:* Việt Nam không cam kết mở cửa thị trường dịch vụ giáo dục trong mọi lĩnh vực mà chỉ cam kết mở cửa ở một số lĩnh vực sau đây: Kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ; quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh; kinh tế học; kế toán; luật quốc tế; ngôn ngữ. Đối với các tiểu ngành dịch vụ giáo dục bậc cao (đại học, cao đẳng) và dịch vụ giáo dục cho người lớn, chương trình đào tạo của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải được Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam phê chuẩn.

*Thứ hai:* Các cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các yêu cầu của Việt Nam về tiêu chuẩn giáo viên nước ngoài.

*Thứ ba:* Đối với dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (trung học), ta chỉ mở cửa theo phương thức 2 (tiêu dùng ngoài lãnh thổ).

*Thứ tư:* Kể từ ngày gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài chỉ được phép đầu tư theo hình thức liên doanh, không hạn chế mức vốn góp. Kể từ ngày 01/01/2009, doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép thành lập cơ sở đào tạo 100% vốn nước ngoài.

**- Dịch vụ môi trường**

Ngành dịch vụ môi trường được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ xử lý nước thải; dịch vụ xử lý rác thải; dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự. Trong đó, Việt Nam không cam kết mở cửa dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự. Cam kết chủ yếu như sau: Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư dưới hình thức liên doanh, với mức góp vốn tối đa 51%. Sau 4 năm kể từ khi

gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài sẽ được đầu tư dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

**- Dịch vụ tài chính**

Ngành dịch vụ tài chính được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng và dịch vụ tài chính khác, dịch vụ chứng khoán. Các cam kết chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất*, về dịch vụ bảo hiểm:

Nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm nước ngoài được cung cấp qua biên giới (phương thức 1) một số loại dịch vụ như bảo hiểm cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, tái bảo hiểm, bảo hiểm đối với vận tải quốc tế v.v.. Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Kể từ ngày 01/01/2008, doanh nghiệp nước ngoài được cung cấp các dịch vụ bảo hiểm bắt buộc. Sau 5 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập chi nhánh bảo hiểm phi nhân thọ.

Trên thực tế, ta đã bắt đầu mở cửa thị trường bảo hiểm từ năm 1993 và mở cửa cho các công ti bảo hiểm 100% vốn nước ngoài từ năm 1999. Nhiều công ti bảo hiểm lớn trên thế giới đã có mặt tại thị trường Việt Nam. Các cam kết gia nhập WTO về mở cửa thị trường dịch vụ bảo hiểm sẽ làm cho cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm trong nước thời gian tới sôi động hơn, từ đó thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển.

*Thứ hai*, về dịch vụ ngân hàng:

Không cho phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở điểm giao dịch ngoài trụ sở chi nhánh; hạn chế các tổ chức tín dụng nước ngoài mua cổ phần của các ngân hàng thương mại quốc doanh cổ phần hoá (như Vietcombank); chưa tự do hoá các giao dịch vốn; cho phép ngân hàng nước ngoài thành lập ngân hàng con 100% vốn nước ngoài; đẩy nhanh lộ trình cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam.

*Thứ ba*, về dịch vụ chứng khoán:

Cho phép các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài cung cấp qua biên giới (phương thức 1) một số loại dịch vụ, như thông tin tài chính, tư vấn tài chính, các dịch vụ trung gian và hỗ trợ kinh doanh chứng khoán v.v.. Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư dưới hình thức văn phòng đại diện và liên doanh, với mức góp vốn tối đa 49%. Sau 5 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và chi nhánh để cung cấp một số loại dịch vụ chứng khoán như quản lý tài sản, thanh toán, tư vấn liên quan đến chứng khoán v.v..

**- Dịch vụ y tế**

Theo bảng phân loại dịch vụ của WTO, ngành dịch vụ thứ tám là ngành dịch vụ y tế và xã hội, bao gồm: Dịch vụ bệnh viện; các dịch vụ nha khoa và khám bệnh; dịch vụ xã hội và các dịch vụ khác. Khi cam kết gia nhập WTO, Việt Nam không cam kết về các

dịch vụ xã hội mà chỉ cam kết mở cửa thị trường dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ nha khoa và khám bệnh. Cam kết chủ yếu như sau: Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép kí kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, thành lập liên doanh hoặc bệnh viện 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, với điều kiện tuân thủ quy định về vốn tối thiểu.

#### - Dịch vụ du lịch

Ngành dịch vụ du lịch được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ khách sạn và nhà hàng (bao gồm cả ăn uống); dịch vụ đại lí lữ hành và điều hành “tour” du lịch; dịch vụ hướng dẫn du lịch và các dịch vụ khác. Trong cam kết gia nhập WTO, Việt Nam chỉ cam kết mở cửa thị trường dịch vụ khách sạn và nhà hàng, dịch vụ đại lí lữ hành và điều hành “tour” du lịch; không cam kết về dịch vụ hướng dẫn du lịch. Các cam kết chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất*, đối với dịch vụ khách sạn và nhà hàng: Trong vòng 8 năm kể từ khi gia nhập WTO, nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn.

*Thứ hai*, đối với dịch vụ đại lí lữ hành và điều hành tour du lịch. Doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư dưới hình thức liên doanh, không hạn chế vốn góp nước ngoài. Doanh nghiệp có vốn nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam và dịch vụ lữ hành nội địa. Hướng dẫn viên du lịch trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải là công dân Việt Nam.

#### - Dịch vụ thể thao, văn hóa, giải trí

Ngành dịch vụ thể thao, văn hóa, giải trí được phân loại thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Các dịch vụ giải trí (nhà hát, ban nhạc sống và xiếc); dịch vụ thông tấn; dịch vụ thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các dịch vụ văn hoá khác; dịch vụ thể thao và các dịch vụ giải trí khác.

Trong cam kết gia nhập WTO, Việt Nam không cam kết mở cửa thị trường dịch vụ thông tấn, dịch vụ thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các dịch vụ văn hoá khác. Các cam kết chủ yếu bao gồm: 1) Sau 5 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ giải trí dưới hình thức liên doanh, với mức vốn góp tối đa 49%; 2) Trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi điện tử, nhà cung cấp nước ngoài phải đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được cấp phép, với mức vốn góp tối đa 49%.

#### - Dịch vụ vận tải

Ngành dịch vụ vận tải được phân thành nhiều loại dịch vụ, bao gồm: Dịch vụ vận tải biển; dịch vụ vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ vận tải hàng không; dịch vụ vận tải vũ trụ; dịch vụ vận tải đường sắt; dịch vụ vận tải đường bộ; dịch vụ vận tải đường ống; dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải như dịch vụ xếp dỡ container, dịch vụ kho bãi, dịch vụ đại lí vận tải hàng hoá.

Trong cam kết gia nhập WTO, Việt Nam không cam kết về dịch vụ vận tải vũ trụ; dịch vụ vận tải đường ống. Các cam kết



chủ yếu bao gồm:

*Thứ nhất:* Đối với tất cả các tiểu ngành dịch vụ nêu trên, ta không cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách qua biên giới (phương thức 1), trừ trường hợp dịch vụ vận tải biển, theo đó ta cho phép nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá qua biên giới (nhưng không cam kết đối với vận tải hành khách).

*Thứ hai,* về dịch vụ vận tải biển: Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ theo phương thức hiện diện thương mại (phương thức 3), dưới hình thức:

+ Thành lập các công ty vận hành mà đội tàu treo cờ Việt Nam dưới dạng liên doanh sau 2 năm kể từ ngày gia nhập WTO, với mức vốn góp tối đa 49%;

+ Các hình thức hiện diện thương mại khác để cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế dưới dạng liên doanh, ngay sau khi gia nhập WTO, với mức vốn góp tối đa 51%. Sau 5 năm kể từ ngày gia nhập WTO, các công ty vận tải biển nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

*Thứ ba,* về dịch vụ vận tải đường thủy nội địa: Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư dưới hình thức liên doanh, với mức vốn góp tối đa 49%.

*Thứ tư,* về dịch vụ vận tải hàng không: Đối với dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không, dịch vụ đặt giữ chỗ bằng máy tính, Việt Nam cam kết theo thực tế hiện hành. Đối với dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy bay: Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư dưới hình thức liên

doanh, với mức vốn góp tối đa 51%. Sau 5 năm kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

*Thứ năm,* về dịch vụ vận tải đường sắt: Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư dưới hình thức liên doanh, với mức vốn góp tối đa 49% nhưng chỉ được vận tải hàng hoá.

*Thứ sáu,* về dịch vụ vận tải đường bộ: Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách tại Việt Nam trên cơ sở xem xét từng trường hợp cụ thể dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với mức vốn góp tối đa 49%, sau 3 năm được tăng lên 51%. 100% lái xe của các liên doanh phải là công dân Việt Nam.

*Thứ bảy,* về dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải: Kể từ khi gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ngoài được phép đầu tư dưới hình thức liên doanh, với mức vốn góp tối đa từ 49% đến 51%, tùy loại dịch vụ. Sau từ 4 - 7 năm kể từ khi gia nhập WTO hạn chế về mức vốn góp sẽ được bãi bỏ./.

(1). Ban thư kí WTO, Tổng quan các vấn đề tự do hoá thương mại dịch vụ, 2001 (sách dịch năm 2006), tr. 27.

(2). WT/ACC/VNM/48, ngày 27/10/2006 (06-5205), Báo cáo của ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO, đoạn 472.

(3). Xem: Lương Hoàng Thái, "Cam kết về dịch vụ của Việt Nam trong WTO", Hội nghị phổ biến các cam kết WTO của Việt Nam, Hà Nội, tháng 11/2006.

(4). Xem: Thanh Huyền, "Phát triển lĩnh vực dịch vụ ở Việt Nam", Tạp chí thương mại, số 44/2006, tr. 8 - 9.